

Số: 190/BC-BSC

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2017

V/v báo cáo hoạt động kinh doanh năm
2016

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
Ủy ban giám sát tài chính quốc gia

I. Tổ chức và nhân sự công ty trong năm

1. Tổ chức công ty:

a) Mạng lưới:

TT	Mạng lưới	Tên gọi	Địa chỉ
1	Trụ sở chính	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Tầng 1, 10, 11 tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	Chi nhánh - Chi nhánh 1: - Chi nhánh 2: -	Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1 thành phố Hồ Chí Minh
3	Phòng giao dịch: - Phòng giao dịch 1 - Phòng giao dịch 2 - Phòng giao dịch ...	Phòng Giao dịch Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Số 12 - 14 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
4	Văn phòng đại diện - Văn phòng đại diện 1 - Văn phòng đại diện....		

Ghi chú: thông tin của bảng trên là thông tin tại thời điểm báo cáo

b) Các thay đổi về tổ chức liên quan trong năm: Không có

- Triển khai mở hoặc đóng các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện (Liệt kê chi tiết);
- Thay đổi địa điểm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện (Liệt kê chi tiết);
- Thay đổi tên gọi, nghiệp vụ Công ty, chi nhánh, phòng giao dịch (Liệt kê chi tiết);
- Thực hiện chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi công ty;

2. Tình hình nhân sự công ty

a) Tình hình nhân sự quản lý:

Đối tượng	Họ và tên/Chức danh đầu kỳ	Họ và tên/Chức danh cuối kỳ	Ngày thay đổi	Lí do thay đổi
Thành viên HĐQT/ HĐTV/Chủ tịch công ty	Đoàn Ánh Sáng – Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đoàn Ánh Sáng – Chủ tịch Hội đồng quản trị		
	Đỗ Huy Hoài – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đỗ Huy Hoài – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị		
	Lê Ngọc Lâm - Ủy viên Hội đồng quản trị	Lê Ngọc Lâm - Ủy viên Hội đồng quản trị		
	Nguyễn Thiều Sơn - Ủy viên Hội đồng quản trị	Nguyễn Thiều Sơn - Ủy viên Hội đồng quản trị		
Thành viên Ban giám đốc	Đỗ Huy Hoài – Tổng Giám đốc	Đỗ Huy Hoài – Tổng Giám đốc		
	Trần Thị Thu Thanh – Phó Tổng Giám đốc	Trần Thị Thu Thanh – Phó Tổng Giám đốc		
	Lê Quang Huy – Phó Tổng Giám đốc công ty	Lê Quang Huy – Phó Tổng Giám đốc công ty		
	Ngô Thị Phong Lan - Phó Tổng Giám đốc công ty kiêm Giám đốc chi nhánh	Ngô Thị Phong Lan - Phó Tổng Giám đốc công ty kiêm Giám đốc chi nhánh		
Thành viên Ban kiểm soát	Phạm Thanh Thủy – Trưởng ban	Phạm Thanh Thủy – Trưởng ban		
	Hoàng Thị Hương – Thành viên	Hoàng Thị Hương – Thành viên		
	Trần Minh Hải – Thành viên	Trần Minh Hải – Thành viên		

b) Về người làm việc trong công ty:

Đối tượng <i>(Liệt kê đầy đủ họ tên đối với người có CCHN tại thời điểm cuối kỳ)</i>	Số lượng người có CCHN/ tổng số người làm việc tại thời điểm đầu năm	Số lượng người có CCHN thôi làm việc cho công ty trong năm/tổng số người thôi làm việc cho công ty trong năm	Số lượng người có CCHN tuyển mới trong năm/tổng số người tuyển mới trong năm	Số lượng người có CCHN/tổng số người làm việc tại thời điểm cuối năm	Số CCHN của người có CCHN cuối năm
Ban Giám đốc	4/4	0/0	0/0	4/4	4
Bộ phận môi giới	10/30	1/5	10/4	19/30	19
Bộ phận tư doanh, bảo lãnh phát hành, tư vấn tài chính	8/22	2/8	3/10	9/24	9
Bộ phận Tư vấn đầu tư	22/72	0/21	19/5	40/57	40
Bộ phận khác	13/61	0/13	5/13	18/59	18
Tổng số	57/189	3/47	37/32	90/174	90

Ghi chú: Danh sách người có chứng chỉ hành nghề tại thời điểm cuối năm tăng do tăng số lượng CCHC của cán bộ cũ.

*Ghi chú: số liệu của bảng này là số liệu của toàn công ty (bao gồm tất cả các địa điểm kinh doanh của công ty).

II. Tỷ lệ sở hữu của cổ đông/thành viên góp vốn nắm giữ từ 5% vốn điều lệ của công ty chứng khoán*;

TT	Họ và tên (cá nhân)/ Tên công ty (pháp nhân)	Số giấy CMND/số Giấy CNĐKKD	Ngày cấp	Số lượng cổ phần/phần vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	Tăng/giảm
1	Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam	Số ĐKSH: 100150619	03/04/1993	79,503,019	88.12%	
2	PYN Elite Fund (Non-Ucits)	CA5604	15/12/2011	7,126,932	7.90%	

* Công ty chứng khoán một thành viên không phải báo cáo mục này.

III. Vốn điều lệ và các chỉ tiêu an toàn tài chính trong năm báo cáo

1. Báo cáo cụ thể về các đợt tăng, giảm vốn điều lệ trong năm:

Ngày 01 tháng 11 năm 2016, Công ty đã phát hành thành công cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2016. Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 3.719.115 cổ phiếu.

2. Báo cáo về tình hình đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng trong năm;

Tại ngày 01/01/2016, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của công ty là 267%, tại ngày 31/12/2016 tỷ lệ vốn khả dụng đã là 696% đạt mức tỷ lệ an toàn của UBCK yêu cầu (180%).

3. Báo cáo về tình hình thay đổi nắm giữ cổ phiếu quỹ trong năm

IV. Cơ sở vật chất trong năm báo cáo

Báo cáo cụ thể những thay đổi nâng cấp về cơ sở vật chất kỹ thuật trong năm báo gồm:

- Mở rộng diện tích trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch;
- + Tháng 11/2016: thuê bổ sung 158m² tầng 10 tháp BIDV 35 Hàng Vôi, Hà Nội.
- Đầu tư nâng cấp hệ thống máy móc thuộc phần cứng (Giá trị đầu tư):

1	Thiết bị phòng chống xâm nhập" Citrix NetScaler Application Firewall MPX 8005	955,229,000
2	Hệ thống lưu trữ SAN Storage	596,200,000
3	Thiết bị mạng	876,898,000
4	Thiết bị tường lửa Firewall	485,496,000
	Tổng	2,913,823,000

- Đầu tư nâng cấp phần mềm cho các hệ thống (Giá trị đầu tư):

1	Hệ thống Mobile Trading (phiên bản Iphone)	450,000,000
2	Phần mềm giao dịch trực tuyến trên Mobile (Android)	395,000,000
	Tổng	845,000,000

- Đầu tư kho kết cho lưu trữ hồ sơ, chứng từ (Giá trị đầu tư): không có
- Các đầu tư cơ sở vật chất khác: không có

V. Hoạt động của công ty chứng khoán trong năm báo cáo

1. Hoạt động môi giới chứng khoán

1.1. Số lượng tài khoản và số dư tiền gửi

a) Số lượng tài khoản:

Loại khách hàng		Đầu năm	Phát sinh trong năm		Cuối năm	Số lượng tài khoản có giao dịch trong năm
			Tăng	Giảm		
Trong nước	Cá nhân	74,971	14,768	116	89,623	19,873
	Tổ chức	333	46	5	374	102
Nước ngoài	Cá nhân	1,851	11	3	1,859	114
	Tổ chức	27	5	2	30	16
Tổng		77,182	14,830	126	91,886	20,105

b) Số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng:

đơn vị: đồng

Loại khách hàng		Dư đầu năm	Phát sinh trong năm	Dư cuối năm
Trong nước	Cá nhân	110,399,706,630	54,244,502,292	164,644,208,922
	Tổ chức	46,130,816,222	-5,215,135,774	40,915,680,448
Nước ngoài	Cá nhân	284,415,341	-24,207,361	260,207,980
	Tổ chức	13,221,870	11,682,298	24,904,168
Tổng		156,828,160,063	49,016,841,455	205,845,001,518

1.2. Ủy thác giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân

Loại khách hàng	Đầu năm	Phát sinh trong năm		Cuối năm	Giá trị ủy thác (triệu đồng)	Phí ủy thác thu được trong năm
		Tăng	Giảm			
Trong nước						
Nước ngoài						
Tổng						

1.3. Tình hình giao dịch chứng khoán trong năm

a) Tình hình giao dịch chứng khoán niêm yết

Chứng khoán	Tổng khối lượng chứng khoán mua trong năm	Tổng khối lượng chứng khoán bán trong năm	Tổng giá trị mua trong năm (triệu đ)	Tổng giá trị bán trong năm (triệu đ)
1. Cổ phiếu	1,609,974,705	1,550,554,322	24,596,977	24,833,326
Trong nước	1,581,941,026	1,518,041,660	23,903,105	24,172,943
Nước ngoài	28,033,679	32,512,662	693,872	660,382
2. Trái phiếu	593,863,482	575,091,600	62,428,488	59,654,971
Trong nước	578,253,482	565,091,600	60,800,865	58,606,047
Nước ngoài	15,610,000	10,000,000	1,627,623	1,048,924
3. Chứng chỉ quỹ	18,250	47,450	181	437
Trong nước	18,250	47,450	181	437
Nước ngoài				
4. Chứng khoán khác				
Tổng:	2,203,856,437	2,125,693,372	87,025,645	84,488,734

b) Môi giới chứng khoán chưa niêm yết:

Chứng khoán	Tổng khối lượng chứng khoán mua trong năm	Tổng khối lượng chứng khoán bán trong năm	Tổng giá trị mua trong năm (triệu đ)	Tổng giá trị bán trong năm (triệu đ)
1. Cổ phiếu	10,630,818	10,630,818	106,308.18	106,308.18
2. Trái phiếu	5,290	5,291	5,290,000	5,291,000
3. Chứng chỉ quỹ				
4. Chứng khoán khác				
Tổng:	10,636,108	10,636,109	5,396,308.18	5,397,308.18

1.4. Tổng phí môi giới thu được trong năm hoạt động:

TT	Phí môi giới	Đơn vị tính (đồng)
1	Từ giao dịch chứng khoán tại Sở GDCK Tp. HCM	20,763,440,094
2	Từ giao dịch chứng khoán tại Sở GDCK Tp. Hà Nội	91,804,459,012
3	Từ giao dịch chứng khoán khác:	14,995,291,017
	Cộng	127,563,190,123

1.5. Tình hình sửa lỗi giao dịch môi giới:

- Tổng số lỗi giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và tình hình khắc phục lỗi: 3 lỗi và đã khắc phục theo quy định.
- Tổng số lỗi giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và tình hình khắc phục lỗi: 3 lỗi và đã khắc phục theo quy định.

2. Hoạt động tự doanh chứng khoán

Loại CK	Số dư đầu năm		Tổng mua trong năm		Tổng bán trong năm		Dư cuối năm	
	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT
CK niêm yết	14,220,330	901,130,693,546	99,290,254	9,596,564,360,948	107,911,556	10,099,882,341,775	5,599,028	397,812,712,719
1. Cổ phiếu	7,570,622	195,701,836,873	10,687,262	270,377,252,613	15,977,190	414,579,245,873	2,280,694	51,499,843,613
2. Trái phiếu	6,649,708	705,428,856,673	88,602,992	9,326,187,108,335	91,934,366	9,685,303,095,902	3,318,334	346,312,869,106
3. CCQ	0	0					0	0
4. CK khác	0	0					0	0
CK chưa niêm yết	9,649,448	721,646,595,356	1,179,840	357,958,124,366	8,900,095	1,021,480,922,459	1,929,193	58,123,797,263
1. Cổ phiếu	9,649,093	360,319,797,263	1,100,000	18,700,000,000	8,819,900	320,896,000,000	1,929,193	58,123,797,263
2. Trái phiếu	355	361,326,798,093	79,840	339,258,124,366	80,195	700,584,922,459	0	0
3. CCQ	0	0					0	0
4. CK khác	0	0					0	0
Tổng	23,869,778	1,622,777,288,902	100,470,094	9,954,522,485,314	116,811,651	11,121,363,264,234	7,528,221	455,936,509,982

* Giá trị tính theo giá giao dịch.

3. Tình hình đầu tư

STT	Tên tổ chức nhận đầu tư	Giá trị đầu tư (đồng)	Tổng số vốn góp của tổ chức nhận đầu tư (đồng)	Tỷ lệ (%)	Tổng giá trị tài sản tại thời điểm cuối năm (đồng)	Tỷ lệ đầu tư so với tổng giá trị tài sản (%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(4)	(6)	(7)=(3)/(6)	(8)

4. Hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán

TT	Tên tổ chức phát hành	Loại chứng khoán bảo lãnh	Hình thức bảo lãnh	Khối lượng bảo lãnh	Giá bảo lãnh	Tổng giá trị bảo lãnh	Thời gian bảo lãnh (từ đến....)	Phí bảo lãnh
	Công ty Đầu tư tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	Trái phiếu chính quyền địa phương	Bảo lãnh phát hành	30,000,000	100,000	3,000,000,000,000	Từ ngày 24/10/2016 đến 25/10/2016	2,400,000,000

5. Các hoạt động tư vấn và các hoạt động khác:

Loại hoạt động	Số hợp đồng đã ký đầu năm	Số hợp đồng đã thanh lý trong năm	Số hợp đồng ký mới trong năm	Số hợp đồng còn hiệu lực cuối năm	Phí thu được trong năm
I. Tư vấn đầu tư chứng khoán	0				
II. Tư vấn tài chính					
1. Tư vấn phát hành	5	6	4	3	5,330,909,091
2. Tư vấn niêm yết	1	3	5	3	975,454,545
3. Tư vấn cổ phần hóa	3	2	2	3	1,583,034,612
4. Tư vấn tài chính khác	13	6	11	18	14,111,776,898
Tổng	22	17	22	27	22,001,175,146

VI. Báo cáo hoạt động giám sát tuân thủ

TT	Nội dung báo cáo	Số lần vi phạm trong năm	Hình thức xử lý	Ghi chú
I	Vi phạm quy định về số lượng người hành nghề chứng khoán	0		
II	Về tài chính			
1	Không tuân thủ hạn mức vay	0		
2	Không tuân thủ hạn chế đầu tư	0		
III	Vi phạm chế độ công bố thông tin			
1	Chậm công bố thông tin	1	Đã giải trình	
2	Không công bố thông tin	0		
IV	Vi phạm chế độ báo cáo			
1	Nộp chậm báo cáo	0		
2	Không nộp báo cáo	0		
V	Về hoạt động giám sát tuân thủ			
1	Thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật	0		
2	Thực hiện các văn bản của UBCKNN	0		
2	Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, hội đồng thành viên. Chủ sở hữu	0		
3	Thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị. Chủ tịch hội đồng thành viên. Chủ tịch công ty	0		
4	Thực hiện các Quyết định của Giám đốc/Tổng Giám đốc	0		
5	Thực hiện Hợp đồng ký kết với các đối tác	0		

VII. Chỉ tiêu an toàn tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị	Tỷ lệ
1	Vốn điều lệ (đồng)	902.191.150.000	(2)/(1)*100= 8,82%
2	Lãi (Lỗ) lũy kế (đồng)	79.593.147.971	
3	Tài sản cố định (đồng)	8.297.959.432	(3)/(1)*100=0,92%
4	Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	5.135	(4)/(5)*100=0,01%
5	Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	90.213.980	
6	Tổng nợ (đồng)	460.429.282.529	(6)/(7)=46.87%
7	Vốn chủ sở hữu (đồng)	982.441.576.880	
8	Nợ ngắn hạn (đồng)	460.429.282.529	(8)/(9)=32,68%
9	Tài sản ngắn hạn (đồng)	1.408.981.381.472	
10	Tỷ lệ vốn khả dụng (%)	696%	

VIII. Kiến nghị với các cơ quan quản lý

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)



Vũ Thị Minh Nguyệt

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)


 KẾ TOÁN TRƯỞNG
 Trần Ngọc Diệp

Tổng Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
 Đỗ Huy Hoài